

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 12 - 2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn K là nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân giữa anh và chị T được mai mối, hai bên tự tìm hiểu nhau được khoảng 01 tháng thì tự nguyện kết hôn đầu tháng 10 năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G. Sau khi kết hôn anh và chị T cùng nhau đi làm thuê tại huyện Z, tỉnh Kiên Giang được hơn 10 ngày thì chị T tự ý bỏ đi và chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và lý do chị T bỏ đi thì anh không xác định được.

Xét thấy, giữa anh và chị T không có tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với chị T; về con chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản: Hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 25/11/2020, chị Nguyễn Thị T là bị đơn trình bày:

Hôn nhân giữa chị và anh K được mai mối, hai bên tự tìm hiểu nhau được khoảng 01 tháng thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G. Chung sống với nhau được hơn 10 ngày thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, chị không có tình cảm với anh K nếu tiếp tục chung sống có thể sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chị sau này. Cho nên, chị tự ý bỏ đi và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh K.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh K chị đồng ý ly hôn, các vấn đề khác chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đi làm thuê nên đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị T có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Anh K và chị T thừa nhận chung sống với nhau được hơn 10 ngày thì chị T bỏ đi, tự chấm dứt quan hệ vợ chồng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn hai bên trình bày do không hợp tính tình và không có tình cảm với nhau, kể từ lúc chị T bỏ đi hai bên không có liên hệ với nhau để tự hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, anh K và chị T đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh K và chị T nhưng không đạt kết quả do anh K cương quyết yêu cầu được ly hôn; chị T có ý kiến thống nhất ly hôn với anh K và có đơn đề nghị vắng mặt. Điều này cho thấy anh K và chị T không có tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh K yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung và nợ chung: Anh K và chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh K và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho anh Trần Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005600 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Anh K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 11/12/2020; chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát